

Soạn bài Test yourself 1 Lớp 7 đầy đủ, dễ hiểu và hay nhất được chúng tôi giới thiệu nhằm giúp các em học sinh chủ động đọc hiểu và chuẩn bị tốt bài học trước khi đến lớp.

Giải sách bài tập Tiếng Anh lớp 7 Test yourself 1 mới

1. Find the word which has a different sound in the part underlined

(Tìm từ có phần gạch dưới có phát âm khác với từ còn lại)

| | | | | |
|-----|-----|-----|-----|-----|
| 1.C | 2.A | 3.C | 4.B | 5.D |
|-----|-----|-----|-----|-----|

Giải thích:

1. Chọn C. volleyball, vì âm "v" phát âm là /v/, trong những từ còn lại được phát âm là /f/.
2. Chọn A. cinema, vì "c" được phát âm là /s/ trong những từ còn lại được phát âm là /k/.
3. Chọn C. sign, bởi vì âm "g" là âm câm, trong những từ còn lại được phát âm là /g/.
4. Chọn B. sure bởi vì âm "ure" được phát âm là /ʊə/ trong những từ còn lại được phát âm là /ʃə/.
5. Chọn D. collector bởi vì âm "or" được phát âm là /ə/, trong khi những từ gạch dưới còn lại được phát âm là /ɔ:/.

2. Fill each blank with a suitable word. The first letter of the word has been provided

(Điền vào mỗi chỗ trống một từ thích hợp. Chữ cái đầu tiên đã được cung cấp)

| | | |
|---------------------|-----------------------|-------------|
| 1. flowers; putting | 2. volunteer; elderly | 3. models |
| 4. habit; eating | 5. donate; lives | 6. Calories |

Hướng dẫn dịch:

1. Mẹ tôi thích mua hoa và đặt chúng ở những bình hoa khác nhau.
2. A: Bạn có muốn làm một tình nguyện viên trong mùa hè này không?
B: Có, mình muốn giúp đỡ những người già.
3. Làm mô hình có thể khó nếu bạn mới theo sở thích này.
4. Em gái tôi có thói quen xấu: xem tivi trong lúc ăn.
5. Thật tốt khi hiến máu bởi vì bạn có thể cứu sống người khác.

6. Chúng ta nhận calo từ thức ăn mà chúng ta ăn. Nếu chúng ta ăn quá nhiều, chúng ta có thể bị béo phì.

3. Choose A, B, C, or D for each gap in the following sentences.

(Chọn A, B, C hoặc D cho mỗi khoảng trống trong những câu sau)

| | | | | |
|------|------|------|------|-------|
| 1. C | 2. D | 3. A | 4. D | 5. B |
| 6. A | 7. C | 8. B | 9. C | 10. D |

Hướng dẫn dịch:

- Ngọc ghét ăn thức ăn nhanh bởi vì nó không tốt cho cơ thể.
- Nếu bạn muốn sống lâu, bạn không nên ăn nhiều thịt đỏ.
- Đừng đọc trên giường, nếu không thì bạn sẽ làm hại mắt.
- Nam muốn giảm cân, vì thế cậu ấy bắt đầu chạy bộ vào Chủ nhật rồi.
- Tôi thấy chơi trò chơi nhóm thật thú vị bởi vì tôi có thể chơi cùng bạn bè mình.
- Mùa hè này Lan đã tham gia 3 hoạt động tình nguyện.
- Trước khi chuyển, đến Hà Nội, cha tôi sống ở Hải Phòng.
- Bạn tôi đã quyết định sử dụng ít điện hơn bằng việc sử dụng năng lượng mặt trời thay thế.
- A: Cuối tuần này tôi sẽ đến làng SOS để dạy cho trẻ em ở đó.
B: Mình sẽ tham gia cùng bạn.
- Bạn sẽ trở nên khỏe mạnh hơn nếu bạn uống ít nước ngọt hơn.

4. Complete each sentence below by filling each blank with the correct form of the word provided.

(Hoàn thành mỗi câu bên dưới bằng việc điền vào mỗi khoảng trống với hình thức đúng của từ cho sẵn.)

| | | | | |
|-----------|--------------|-----------|---------------|-------------|
| 1. boring | 2. unhealthy | 3. making | 4. difference | 5. children |
|-----------|--------------|-----------|---------------|-------------|

Hướng dẫn dịch:

1. Tôi nghĩ ở nhà suốt ngày thật chán bởi vì tôi không biết làm gì.
2. Sẽ không lành mạnh khi ăn nhiều thức ăn ngọt và uống nhiều nước ngọt.
3. Tôi thích làm gốm bởi vì nó khá thử thách.
4. Nhiều người làm việc tình nguyện bởi vì nó có thể tạo ra sự khác biệt trong cộng đồng của họ.
5. Vài học sinh thường dạy trẻ em đường phố tiếng Anh vào mùa hè.

5. Fill each blank in the following letter with a suitable word.

(Điền vào chỗ trống trong bức thư sau với từ thích hợp.)

| | | | | |
|----------|-----------|---------|------------|---------|
| 1. about | 2. taught | 3. give | 4. because | 5. need |
|----------|-----------|---------|------------|---------|

Hướng dẫn dịch:

Chào Mira,

Cảm ơn lá thư của bạn. Bây giờ tôi sẽ nói cho bạn nghe về sở thích của tôi. Sở thích của mình là đan móc. Nó thật lạ phải không? Mẹ mình đã dạy mình đan móc cách đây 2 năm. Bây giờ mình có thể đan khăn quàng cổ và áo len dài tay. Thật tuyệt khi mình có thể tặng chúng cho những người thân và bạn bè làm quà. Đan móc cũng đầy trí tưởng tượng bởi vì bạn thể đan mất kỳ thứ gì mà bạn có thể tưởng tượng ra. Bên cạnh đó, nó rất rẻ. Bạn chỉ cần một cặp kim và ít len. Mình sẽ gửi cho bạn một cái khăn quàng vào tháng tới. Mình đang đan nó. Mình hy vọng cậu sẽ thích nó.

Thân ái,

Vy

6. Read the text and answer the questions.

(Đọc bài văn và trả lời các câu hỏi.)

Hướng dẫn dịch:

TẠI SAO GIA ĐÌNH BẠN NÊN LÀM TÌNH NGUYÊN?

Lý do đầu tiên tại sao nhiều gia đình làm tình nguyện đó là họ cảm thấy thỏa mãn và tự hào. Cảm giác ấm áp đầy đủ đến từ việc giúp đỡ cộng đồng và những người khác. Ngoài ra, tình

nguyện là một cách tuyệt vời cho gia đình có được niềm vui và cảm giác gần nhau hơn. Nhưng nhiều người nói rằng họ không có thời gian làm tình nguyện bởi vì họ phải làm việc và chăm sóc gia đình. Nếu vào trường hợp đó, hãy suy nghĩ lại về một vài thời gian rảnh của bạn cho gia đình. Bạn có thể chọn một hoặc hai dự án một năm và làm cho nó thành truyền thống gia đình. Ví dụ, gia đình bạn có thể làm hoặc quyên góp những giỏ quà cho người già vô gia cư vào những ngày lễ. Gia đình bạn cũng có thể dành một buổi sáng Chủ nhật trong một tháng để thu thập rác trong khu phố.

1. Người ta cảm giác như thế nào khi họ làm tình nguyện?
2. Làm tình nguyện đem lại lợi ích như thế nào cho gia đình bạn?
3. Tại sao vài người thiếu thời gian?
4. Gia đình bạn giúp những người già vô gia cư như thế nào?
5. Việc nhặt rác trong khu phố là một ví dụ của công việc tình nguyện phải không?

1. They feel satisfied and proud.
2. It can be fun and make family members closer.
3. Because they have to work and take care of their families.
4. We can make and donate gift baskets on holidays.
5. Yes, it is.

Hướng dẫn dịch:

1. Họ cảm giác thỏa mãn và tự hào.
2. Nó có thể vui và làm có các thành viên trong gia đình gần nhau hơn.
3. Bởi vì họ phải làm việc và chăm sóc gia đình của họ.
4. Chúng ta có thể làm và quyên góp những gói quà vào những ngày lễ.
5. Đúng vậy.
7. Find and correct a mistake in each sentence below. (Tìm và sửa lỗi trong mỗi câu bên dưới.)

1. tiring => tired

2. ice-skate => ice-skating
3. or => so
4. do => don't
5. throwing water to people => throwing water at people

1. Đừng ghét người ta bởi vì nó có thể làm bạn mệt mỏi.
2. Mẹ tôi thấy việc trượt băng thật khó.
3. Ông bà tôi trồng nhiều rau trong vườn vì thế chúng tôi không phải mua rau ở ngoài chợ.
4. A: Tại sao bạn không muốn hiến máu?
B: Tôi sợ.
5. Người Lào nghĩ rằng tạt nước vào người khác có thể mang lại cho họ may mắn.

8. Write full sentences using the suggested words and phrases given.

(Viết những câu đầy đủ sử dụng những từ được gợi ý)

1. It is a good idea to eat different kinds of fruit and vegetable every day.
2. There are a lot of interesting and tasty ways to do this.
3. Fruit and vegetable can be served in many different ways.
4. They can also be added to other ingredients.
5. Put the sliced bananas and strawberries on the cereal.
6. Add the chopped fruit into yogurt.
7. Pack the vegetable sticks into the lunchbox.
8. Top pizza with sliced mushrooms.
9. Eating fresh fruit is much better for you than a glass of fruit juice.
10. A glass of fruit juice has up to six teaspoons of sugar.

Hướng dẫn dịch:

1. Thật là một ý kiến hay khi ăn nhiều loại trái cây và rau khác nhau mỗi ngày.
2. Có nhiều cách hay và tuyệt để làm nó.
3. Trái cây và rau có thể được ăn theo nhiều cách khác nhau.
4. Chúng có thể cũng được thêm vào những thành phần khác.
5. Đặt những miếng chuối và dâu lát mỏng lên ngũ cốc.
6. Thêm trái cây băm nhỏ vào sữa chua.
7. Gói những miếng trái cây vào hộp cơm trưa.
8. Đặt nấm lên mặt bánh pizza.
9. Ăn trái cây tươi tốt hơn là một ly nước ép trái cây.
10. Một ly nước ép trái cây có đến 6 muỗng đường.